VFM
VIETFUND MANAGEMENT

*Số :1012/VFM.2019*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**
*ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING*

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
*VFM would like to announce the information after exchange trading:*

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 10/12/2019
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

| STT<br>Order | Mã chứng khoán<br>Securities Symbol | Số lượng<br>Volume | Tỷ lệ % trong danh mục<br>Weighting |
|---|---|---|---|
| 1 | BID | 390 | 1.07% |
| 2 | BVH | 160 | 0.72% |
| 3 | CTD | 80 | 0.35% |
| 4 | CTG | 680 | 0.94% |
| 5 | DPM | 360 | 0.33% |
| 6 | EIB | 2,390 | 2.74% |
| 7 | FPT | 1,240 | 4.69% |
| 8 | GAS | 220 | 1.50% |
| 9 | GMD | 580 | 0.91% |
| 10 | HDB | 1,570 | 3.00% |
| 11 | HPG | 3,790 | 6.27% |
| 12 | MBB | 3,140 | 4.60% |
| 13 | MSN | 1,070 | 4.42% |
| 14 | MWG | 660 | 5.00% |
| 15 | NVL | 850 | 3.29% |
| 16 | PNJ | 410 | 2.30% |
| 17 | REE | 390 | 0.97% |
| 18 | ROS | 520 | 0.87% |
| 19 | SAB | 160 | 2.58% |
| 20 | SBT | 600 | 0.76% |
| 21 | SSI | 700 | 0.94% |
| 22 | STB | 4,130 | 2.81% |
| 23 | TCB | 5,210 | 8.12% |
| 24 | VCB | 680 | 3.96% |
| 25 | VHM | 860 | 5.41% |
| 26 | VIC | 1,030 | 8.16% |
| 27 | VJC | 620 | 6.12% |
| 28 | VNM | 1,150 | 9.28% |
| 29 | VPB | 3,940 | 5.22% |
| 30 | VRE | 1,070 | 2.57% |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,462,002,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,463,348,982

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 1,346,982

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

**Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash**

| Mã chứng khoán | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) | Đối tượng áp dụng | Lý do |
|---|---|---|---|
| Securities symbol | Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Applied investors | State the reason |
| | | | |
| | | | |

**Các chỉ tiêu khác/Other criteria**

| Chỉ tiêu/*Criteria* | Kỳ này/*This period* **10/12/2019** | Kỳ này/This period **09/12/2019** | Chênh lệch/ *Changes* |
|---|---|---|---|
| Số lô đã phát hành thêm<br>Creation Units were issued | 6 | 0 | 6 |
| Số lô đã mua lại/<br>Creation Units were redeemed | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/<br>Issued Shares | 436,300,000 | 435,700,000 | 600,000 |
| Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price | 14,520 | 14,660 | -140 |
| Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: | | | |
| *của quỹ ETF/of the Fund* | 6,375,811,513,970 | 6,375,145,825,959 | 665,688,011 |
| *của một lô ETF/per Creation Unit* | 1,463,348,982 | 1,464,204,370 | -855,388 |
| *của một chứng chỉ quỹ/per Share* | 14,633.48 | 14,642.04 | -8.56 |
| Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index | 961.62 | 969.09 | -7.47 |

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

**Trần Thanh Tân**

*Tổng Giám đốc/CEO*